

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 04-9-2024  
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Múth So Ny; bà Lương Thị Hoàng Kim.

**Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Cẩm Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Châu Văn P, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ B, khóm Đ, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* bà Trần Thị P1, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ B, khóm Đ, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Châu Văn P và bị đơn bà Trần Thị P1 có đơn xin xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Châu Văn P trình bày: ông và bà Trần Thị P1 tự tìm hiểu quen biết nhau, sau đó đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký có kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ B, khóm Đ, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông Châu Văn P yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị P1. Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Châu Thị Lin Đ, sinh ngày 10/4/2013; ông Châu Văn P đồng ý giao cho bà Trần Thị P1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông không cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

*\* Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị P1 trình bày: Về quan hệ hôn nhân thì bà Trần Thị P1 thống nhất theo lời trình bày của ông Châu Văn P và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Châu Văn P. Về con chung thì vợ chồng có 01 (một) con chung tên Châu Thị Lin Đ, sinh ngày 10/4/2013. Khi ly hôn, bà Trần Thị P1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng. không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.*

*\* Cháu Châu Thị Lin Đ có ý kiến: có nguyện vọng được sống chung với bà Trần Thị P1 nếu cha, mẹ ly hôn.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Châu Văn P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Trần Thị P1; bị đơn có nơi cư trú tại tổ B, khóm Đ, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt BLTTDS).

- Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn ông Châu Văn P, bị đơn bà Trần Thị P1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn ông Châu Văn P và bị đơn bà Trần Thị P1 sống chung như vợ chồng từ năm 1998 đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

Căn cứ quy định pháp luật như viện dẫn nêu trên, thấy rằng nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay, không đăng ký kết hôn nên không công nhận ông P và bà P1 là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: ông Châu Văn P và bà Trần Thị P1 có 01 (một) con chung tên Châu Thị Lin Đ, sinh ngày 10/4/2013. Cháu Châu Thị Lin Đ đang sinh

sống cùng với bà Trần Thị P1 và có nguyện vọng sống với mẹ. Ông P thống nhất tiếp tục giao con chung cho bà P1 nuôi dưỡng, do đó giao con chung cho Trần Thị P1 nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng và quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Trần Thị P1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: ông Châu Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định; bị đơn không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Châu Văn P và bà Trần Thị P1 là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Trần Thị P1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Châu Thị Lin Đ, sinh ngày 10/4/2013, ông Châu Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị P1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Châu Văn P quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: ông Châu Văn P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011057 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên; ông Châu Văn P đã nộp đủ án phí; bà Trần Thị P1 không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án*

*dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tx. Tịnh Biên (1);
- Chi cục THADS tx. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Ngọc Mỹ**